

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 470/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV;*

*Căn cứ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 12937/TTr-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tờ trình số 1248/TTr-BNV ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc hoàn thiện dự thảo Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035”.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035” với các nội dung như sau:

## I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số (sau đây gọi chung là cán bộ người dân tộc thiểu số) là bộ phận quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước, gắn chặt với công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; có ý nghĩa chiến lược, lâu dài và cấp thiết trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, bảo đảm về tỷ lệ, số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý của các thành phần dân tộc, độ tuổi, giới tính, ngành nghề, lĩnh vực công tác ở trung ương và địa phương, nhất là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trao quyền chủ động cho chính quyền địa phương; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông giữa các khâu tạo nguồn, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và chính sách đãi ngộ; đề cao trách nhiệm giải trình, tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện; lấy chất lượng đội ngũ, năng lực thực thi công vụ và hiệu quả thực tế làm thước đo chủ yếu.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục nâng cao tỷ lệ, số lượng, chất lượng, bảo đảm cơ cấu hợp lý đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc, các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có đủ phẩm chất, uy tín, năng lực, trình độ, chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước nói chung và tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng.

b) Gắn mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số với mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thông qua phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ tại cơ sở.

### 2. Mục tiêu cụ thể về tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số

Lộ trình phấn đấu từ năm 2026 đến năm 2030 đạt 80% và từ năm 2030 đến năm 2035 đạt 100% các tỷ lệ sau đây:

a) Ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh):

- Tối thiểu là 3% đến 5% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 5% đến dưới 10% tổng dân số của tỉnh.

- Tối thiểu là 5% đến 10% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của tỉnh.

- Tối thiểu là 10% đến 15% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của tỉnh.

- Tối thiểu là 15% đến 20% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của tỉnh.

- Tối thiểu là 20% tổng số biên chế được giao của cấp tỉnh đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của tỉnh.

b) Ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã):

- Tối thiểu là 5% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 5% đến dưới 10% tổng dân số của xã.

- Tối thiểu là 5% đến 15% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã.

- Tối thiểu là 15% đến 25% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã.

- Tối thiểu là 25% đến 35% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của xã.

- Tối thiểu là 35% đến 50% tổng số biên chế được giao của cấp xã đối với xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm trên 70% tổng dân số của xã.

c) Ở cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo tối thiểu là 20% đến 25% trên tổng số biên chế được giao.

- Các Vụ, ban hoặc tổ chức, đơn vị tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc tối thiểu là 25% tổng số biên chế được giao.

- Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo:

+ Tối thiểu là 20% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 20% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 5% đến dưới 10% tổng dân số của tỉnh.

+ Tối thiểu là 25% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 25% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của tỉnh.

+ Tối thiểu là 30% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 30% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của tỉnh.

+ Tối thiểu là 35% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 35% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của tỉnh.

+ Tối thiểu là 40% tổng số thành viên Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; tối thiểu 40% tổng biên chế được giao của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của tỉnh.

Trường hợp không có Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo thì cấp có thẩm quyền ở địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quyết định tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số tại các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc.

- Ban và Phòng chuyên môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã ưu tiên bố trí cán bộ người dân tộc thiểu số thực hiện nhiệm vụ về công tác dân tộc.

### 3. Mục tiêu cụ thể về cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số

Thực hiện theo lộ trình phấn đấu từ năm 2026 đến năm 2030 đạt 80% và từ năm 2030 đến năm 2035 đạt 100% các mục tiêu cụ thể sau đây:

a) Bảo đảm cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số tương ứng với tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong tổng dân số của tỉnh; phù hợp với cơ cấu của các thành phần dân tộc thiểu số ở địa phương.

b) Bảo đảm cơ cấu hợp lý cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo tối thiểu là 20% đến 25% trên tổng số chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Vụ, ban hoặc tổ chức, đơn vị tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo phải có ít nhất 01 vị trí giữ chức danh cấp trưởng hoặc cấp phó hoặc 01 vị trí được quy hoạch hoặc giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số.

- Ở địa phương:

+ Tối thiểu là 10% ở cấp tỉnh, trên tổng số cán bộ người dân tộc thiểu số của tỉnh.

+ Tối thiểu là 20% ở cấp xã trên tổng số cán bộ người dân tộc thiểu số của xã.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương có từ 30% cán bộ người dân tộc thiểu số trở lên phải bảo đảm có viên chức quản lý người dân tộc thiểu số.

c) Bảo đảm cơ cấu cán bộ nữ người dân tộc thiểu số tối thiểu là 20% trong tổng số tỷ lệ tối thiểu cán bộ người dân tộc thiểu số quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Mục II này.

4. Mục tiêu cụ thể về nâng cao chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số

Phân đầu từ năm 2026 đến năm 2030 đạt 80% và từ năm 2030 đến năm 2035 đạt 100% số cán bộ người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kỹ năng số và phương thức quản lý hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia; bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm theo quy định.

5. Tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế thực hiện

a) Rà soát, hoàn thiện các quy định liên quan đến tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ người dân tộc thiểu số bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu sắp xếp tinh gọn bộ máy.

b) Quy định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và người đứng đầu trong việc thực hiện các mục tiêu về tỷ lệ, cơ cấu và chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số theo Đề án; lấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Đề án là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Về tạo nguồn, tuyển dụng, sử dụng và bảo đảm cơ cấu

a) Gắn công tác tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch cán bộ của bộ, ngành, địa phương; ưu tiên các lĩnh vực về giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, nông nghiệp, lâm nghiệp và các lĩnh vực trực tiếp phục vụ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Thực hiện có hiệu quả chính sách ưu tiên trong tuyển dụng bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng; mở rộng nguồn tuyển dụng đối với người học theo chế độ cử tuyển, người đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc, người có kinh nghiệm làm việc trong khu vực ngoài công lập để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Bố trí, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số đúng chuyên môn, đúng vị trí việc làm, hạn chế tình trạng bố trí không phù hợp dẫn đến lãng phí nguồn nhân lực hoặc giảm động lực phấn đấu.

d) Bảo đảm cơ cấu hợp lý cán bộ dân tộc thiểu số giữ chức danh lãnh đạo, quản lý, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ thuộc các dân tộc rất ít người; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phù hợp để phát huy vai trò của các nhóm đối tượng này.

### 3. Về nâng cao chất lượng

a) Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; tin học, ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số. Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tham gia vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số; có chế độ, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với nhà giáo và cán bộ người dân tộc thiểu số trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

c) Phát triển hệ thống trường dân tộc nội trú, bán trú, trường dự bị đại học; nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển, tập trung vào các ngành nghề, lĩnh vực địa phương cần sử dụng sau tốt nghiệp; thành lập lại trường Thiếu sinh quân do Quân đội quản lý để đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, tạo nguồn vững chắc đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số cho nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

d) Thực hiện chính sách luân chuyển, điều động, rèn luyện thực tiễn có thời hạn đối với cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là cán bộ trong diện quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý, gắn luân chuyển với đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng lâu dài.

### 4. Về lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và theo dõi, đánh giá thực hiện

a) Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan; của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Đề án.

b) Tăng cường vai trò giám sát, phản biện của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Đề án, phù hợp với Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Xây dựng cơ chế theo dõi, báo cáo đánh giá việc thực hiện Đề án; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện.

d) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; xây dựng, cập nhật đầy đủ dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ người dân tộc thiểu số, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát thực hiện Đề án.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành. Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, các bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng dự toán ngân sách chi thường xuyên theo hướng có mục tiêu, bảo đảm tập trung, trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các địa bàn đặc biệt khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách, các dân tộc rất ít người và các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số. Lồng ghép kinh phí thực hiện Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có liên quan, bảo đảm rõ mục tiêu, rõ nội dung, tránh dàn trải, trùng lặp, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Đề án theo định hướng chung của Nhà nước.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Bộ Nội vụ**

a) Là cơ quan đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm chung trước Thủ tướng Chính phủ trong việc tổ chức triển khai, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

b) Thường xuyên rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; kịp thời báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương cập nhật, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về cán bộ người dân tộc thiểu số trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất.

d) Chủ trì sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện Đề án.

## 2. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số làm việc trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc. Thường xuyên rà soát, nghiên cứu nâng cao chất lượng chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số và các nội dung khác cho cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ làm công tác dân tộc bảo đảm phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao năng lực thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

b) Chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch tuyển sinh đối với người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý; tập trung tuyển sinh đào tạo các ngành, nghề sát với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương.

c) Phối hợp với Bộ Nội vụ kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án này.

## 3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Tiếp tục rà soát, nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền chính sách hỗ trợ trong giáo dục, đào tạo đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số; đề xuất các giải pháp đổi mới công tác đào tạo và phát triển quy mô, chất lượng hệ thống các trường dân tộc nội trú, dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, các trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát, đánh giá chính sách cử tuyển để bảo đảm hiệu quả, đáp ứng mục tiêu, quy hoạch, kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực của địa phương; đặc biệt đối với các dân tộc thiểu số rất ít người, còn nhiều khó khăn nhằm tạo nguồn tuyển dụng cán bộ của các dân tộc này vào làm việc ngay tại cơ sở, đồng thời cũng tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số rất ít người cho các cấp, các ngành trong tương lai.

4. Bộ Quốc phòng: Thành lập lại trường Thiếu sinh quân theo thẩm quyền.

## 5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Căn cứ Quyết định này để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, bảo đảm đúng lộ trình, mục tiêu về tỷ lệ, cơ cấu, chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc thù ngành, lĩnh vực.

b) Chủ động bố trí, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp vị trí việc làm; tạo điều kiện để cán bộ người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và tham gia giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Đề án; coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên trong công tác cán bộ và công tác dân tộc của bộ, ngành.

d) Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ người dân tộc thiểu số. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, báo cáo Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền về tình hình và kết quả thực hiện Đề án.

## 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Căn cứ Quyết định này để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp xác định trong Đề án bảo đảm đúng lộ trình, mục tiêu về tỷ lệ, cơ cấu và chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện Đề án.

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác tuyển dụng cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định, bảo đảm phù hợp với tỷ lệ, cơ cấu thành phần dân tộc thiểu số, ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người, các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; có giải pháp để bố trí việc làm đối với sinh viên người dân tộc thiểu số nói chung và sinh viên học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp.

c) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên, vượt trội về tạo nguồn, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn; chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ người có tài năng là người dân tộc thiểu số, chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ không phải là người dân tộc thiểu số nhưng đến công tác tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, tạo nguồn hỗ trợ để cán bộ yên tâm công tác, cống hiến.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Đề án; coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên trong công tác cán bộ và công tác dân tộc của địa phương.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ người dân tộc thiểu số. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, báo cáo Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền về tình hình và kết quả thực hiện Đề án.

7. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện Đề án này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Phạm Thị Thanh Trà**

**Phụ lục**  
**CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2026 – 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035”**  
*(Kèm theo Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>BỘ NỘI VỤ</b>			
1	Hướng dẫn xác định tỷ lệ, cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số	Văn bản hướng dẫn	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Thường xuyên
2	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ người dân tộc thiểu số	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Hàng năm
3	Xây dựng, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia cán bộ người dân tộc thiểu số	Dữ liệu điện tử	Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Năm 2026
4	Tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sơ kết (2028) Tổng kết (2030)
<b>II</b>	<b>BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO</b>			
1	Rà soát, chuẩn hóa chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Khung chương trình bồi dưỡng	Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quý III/2026
2	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số làm việc trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc	Kế hoạch	Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quý I/hàng năm
3	Phối hợp kiểm tra, đôn đốc triển khai Đề án	Báo cáo chuyên đề	Bộ Nội vụ	Hàng năm
<b>III</b>	<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>			
1	Rà soát, đề xuất chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quý II/2026

2	Rà soát, hoàn thiện cơ chế cử tuyển	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ Dân tộc và Tôn giáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quý II/2026
3	Phát triển hệ thống trường dân tộc nội trú, dự bị đại học	Kế hoạch phát triển giai đoạn 2026 - 2030	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quý II/2026
<b>IV</b>	<b>BỘ QUỐC PHÒNG</b>			
1	Thành lập lại trường Thiếu sinh quân	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Năm 2026
<b>V</b>	<b>CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ</b>			
1	Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án cấp bộ	Kế hoạch	Bộ Nội vụ	Quý I/2026
2	Xác định tỷ lệ, cơ cấu, vị trí việc làm, chỉ tiêu để tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ người dân tộc thiểu số	Quyết định	Bộ Nội vụ	Hàng năm
3	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Đề án	Báo cáo	Bộ Nội vụ	Trước 15/11 hàng năm
<b>VI</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH</b>			
1	Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án cấp tỉnh	Kế hoạch	Bộ, ngành liên quan	Quý I/2026
2	Xác định tỷ lệ, cơ cấu, vị trí việc làm, chỉ tiêu cho từng cấp, từng cơ quan, đơn vị để tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ người dân tộc thiểu số	Quyết định	Bộ, ngành liên quan	Hàng năm
3	Nghiên cứu ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách đặc thù của địa phương (nếu có)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ, ngành liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028
4	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Đề án	Báo cáo	Bộ Nội vụ	Trước 15/11 hàng năm